

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:
Basonat® LR 9056

Sử dụng: Nguyên liệu, Chỉ sử dụng trong công nghiệp

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Độc cấp tính: Cat.4 (Hô hấp - sương)

Độc cấp tính: Cat.5 (tiếp xúc miệng)

Chất gây dị ứng da: Cat.1

Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể sau khi tiếp xúc một lần: Cat.3 (kích ứng hệ hô hấp)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H332	Nguy hại nếu hít vào.
H303	Có thể nguy hại khi nuốt phải.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.
H402	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh.
H412	Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ.
P271	Chỉ sử dụng ngoài trời hay trong khu vực được thông thoáng tốt.
P260	Không hít bụi sương hoặc hơi hoá chất.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P312	Liên hệ với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P304+P340	NẾU HÍT VÀO: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành và nằm nghỉ ở vị trí có thể hít thở dễ chịu.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Lưu ý khi bảo quản:

P403 + P233	Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt. Giữ thùng chứa đóng kín.
P405	Kho lưu trữ khóa kín.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

polyisocyanate đa dụng, béo

Thành phần nguy hại

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

(OLIGOMER) Hexamethylene diisocyanate isocyanurate-type oligomers

Hàm lượng (W/W): $\geq 60\%$ - $\leq 80\%$ Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - sưng)
 Số CAS: 28182-81-2 Skin Sens.: Cat. 1
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)

Poly(oxy-1,2-ethanediyl), .alpha.-methyl-.omega.-hydroxy-, polymer with 1,6-diisocyanatohexane, block

Hàm lượng (W/W): $\geq 20\%$ - $\leq 35\%$ Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - sưng)
 Số CAS: 143472-08-6 Skin Sens.: Cat. 1
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)
 Aquatic Acute: Cat. 3
 Aquatic Chronic: Cat. 3

1,6-hexamethylene diisocyanate

Hàm lượng (W/W): $< 0.1\%$ Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
 Số CAS: 822-06-0 Acute Tox.: Cat. 1 (Hô hấp - sưng)
 Kích ứng da: Cat. 2
 Kích ứng mắt: Cat. 2A
 Resp. Sens.: Cat. 1
 Skin Sens.: Cat. 1
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
 Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức.

Nếu hít phải:
 Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải hơi nước/sol khí, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:
 Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
 Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
 Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước. Không làm nôn mửa trừ khi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ yêu cầu làm như vậy.

Lưu ý cho bác sĩ:
 Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
 Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột khô, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:
Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:
những chất dạng hơi có hại
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Mức độ rủi ro được kiểm soát bởi chất cháy và các điều kiện cháy. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Yêu cầu sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Cảnh báo môi trường:
Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.
Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh xử lý các chất ảnh hưởng tới da nếu đã biết, phản ứng quá mẫn cảm với cơ thể, bệnh hô hấp mãn tính, cơn hen hay các cơn đau phế quản. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Tránh hít phải bụi/sương mù/hơi. Tránh tiếp xúc thường xuyên và trực tiếp với chất. Đảm bảo tuân thủ tốt công việc được hướng dẫn Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị và máy móc. Làm sạch thiết bị và khu vực làm việc mỗi ngày. Kiểm soát kỹ thuật phải áp dụng để giảm phơi nhiễm. Giảm thiểu phơi nhiễm trong quá trình tiếp xúc hoặc thiết bị và thông thoáng tự nhiên luôn áp dụng Công nhân nên được sức khỏe định kỳ, bao gồm kiểm tra chức năng phổi. Đeo tấm che mặt phù hợp Mặc đồ bảo hộ không thấm nước Sử dụng bảo vệ mắt phù hợp. Mang găng tay chống hóa chất kết hợp với đào tạo cơ bản cho nhân viên. Thay đổi găng tay, nếu thời gian hoạt động vượt quá thời gian nghỉ Sử dụng thông gió khí thải tự nhiên và cưỡng bức Trong trường hợp thông thoáng không đủ, phải đeo mặt nạ phòng độc phù hợp

Phòng chống cháy nổ:
Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Đóng chặt và lưu giữ nơi thoáng mát. Cất giữ thùng chứa khô ráo.

Tính ổn định lưu trữ:

Nếu độ ẩm xâm nhập vào các thùng chứa izoxianat, CO₂ sẽ hình thành và áp suất sẽ tích tụ.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 50 °C

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

1,6-hexamethylene diisocyanate, 822-06-0;
Giá trị TWA 0.005 ppm (ACGIHTLV)

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Đối với phơi nhiễm thời gian ngắn hoặc nhẹ, sử dụng mặt nạ hô hấp có bộ lọc, để tiếp xúc lâu dài nên mặc thiết bị bảo vệ hô hấp đầy đủ. Bộ lọc kết hợp đối với khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ và các hạt rắn và lỏng (f.e. EN 14387 Loại A-P2).

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Các vật liệu thích hợp cho tiếp xúc ngắn hạn (khuyến cáo: Ít nhất là chỉ số bảo vệ 2, tương ứng > 30 phút thời gian thấm thấu theo EN ISO 374-1)

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

fluoroelastomer (FKM) - Lớp phủ độ dày 0.7 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thấm thấu được xác định qua các thí nghiệm.

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (khung kính) (f.e. EN 166) và tấm che mặt.

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Không hít thở hơi nước/sol khí/sương mù bụi nước. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Vệ sinh thiết bị, khu vực làm việc và quần áo thường xuyên.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu đến hơi vàng	
Mùi:	đặc trưng của sản phẩm	
Ngưỡng mùi:	không được xác định	
Giá trị pH:	không áp dụng	
Điểm nóng chảy:	tương đương -46 °C	(DIN 51583)
Điểm sôi:	không được xác định	
Điểm chớp cháy:	168 °C	(ISO 2719)
Tốc độ bay hơi:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Nhiệt độ tự cháy:	414 °C	(DIN EN 14522)
Phân huỷ do nhiệt:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tự bắt cháy:	không tự cháy	
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	< 0.0001 hPa (20 °C)	
Tỷ trọng:	1.16 g/cm ³ (20 °C)	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

	1.14 g/cm ³ (50 °C)	
Tỷ trọng tương đối:	1.16 (20 °C)	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	không áp dụng	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không được xác định	
Tính tan trong nước:	Phản ứng với nước.	
Khả năng pha trộn với nước:	Phản ứng với nước.	
Phép nghiệm ẩm:	hút ẩm	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi có cực hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.	
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	
Tính nhớt, động lực:	1.5 - 3.0 Pa.s (23 °C, 50 1/s)	(DIN EN ISO 3219)

Đặc điểm của hạt

Phân bố kích thước hạt: Chất/ sản phẩm được giới thiệu ra thị trường hay được sử dụng dưới hình thức không rắn hay bột. -

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
 Tránh ẩm. Tránh độ ẩm. Tránh tiếp xúc trực tiếp với nước.

Phân huỷ do nhiệt: Không có sẵn các dữ liệu.

Những chất cần tránh:
 nước, cồn, các amine

Những phản ứng nguy hiểm:
 Phản ứng với cồn. Phản ứng với các amine. Phản ứng với các chất có khí hydro hoạt tính. Phản ứng với nước, có hình thành cacbon dioxide. Sản phẩm phân huỷ hình thành khí làm gia tăng áp suất bên trong các thùng chứa đóng kín.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:
 Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:
 Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 2,000 mg/kg

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 1 - 5 mg/l 4 h

Chất từ lớp chất isocyanate đã được thử nghiệm dưới dạng (aerosol hô hấp) khác với các dạng mà sản phẩm được bán trên thị trường và được sử dụng. Do đó, kết quả thử nghiệm không đủ cho mục đích phân loại và ghi nhãn sản phẩm. Dựa trên đánh giá của chuyên gia và dữ liệu có sẵn, một phân loại và ghi nhãn sửa đổi về độc tính cấp do hít phải là hợp lý. Việc tạo ra một Thiết bị hô hấp phải được thực hiện! Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da):

không được xác định

Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Độc tính vừa phải sau khi hít trong thời gian ngắn. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: (OLIGOMER) Hexamethylene diisocyanate isocyanurate-type oligomers

Độc cấp tính khi hít phải

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LC50 chuột (bằng cách hít phải): 0.467 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)

Kết quả thí nghiệm chỉ áp dụng đối với chất được chuyển thành dạng sol khí (các phân tử < 20 µm).
Thí nghiệm sol khí.

Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không kích ứng cho mắt và da. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 404)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (OECD hướng dẫn 405)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Dị ứng da/hô hấp

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: làm mẩn cảm da

Là nguyên nhân gây mẩn cảm da trong nghiên cứu động vật. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên các thành phần, không có bằng chứng về tác động gây biến đổi gen.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Có thể kích ứng với đường không khí.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không có sẵn các dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Sự kim hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h), Cá

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

không được xác định

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 10 - 100 mg/l, *Daphnia magna*

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h), tảo

không được xác định

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (3 h) > 1,000 mg/l, vi khuẩn

Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có sẵn các dữ liệu.

Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

Không thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm.

Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên. Phải tuân thủ triệt để quy định địa phương về việc xử lý nước thải.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Đốt trong các nhà máy đốt chất thải đạt chuẩn, tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

Hãy liên hệ nhà sản xuất/cung ứng để biết thông tin về phục hồi, tái chế (recovery/recycling).

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	Not classified as a dangerous good under transport regulations
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Marine pollutant:	no
Special precautions for user	None known

Vận tải hàng không IATA/ICAO

Air transport IATA/ICAO

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
 Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải		Not classified as a dangerous good under transport regulations	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng	UN number or ID number:	Not applicable
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng	UN proper shipping name:	Not applicable
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO

Maritime transport in bulk according to IMO instruments

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk is not intended.

15. Thông tin về pháp luật

Những quy định khác

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất:

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 28.07.2025
Sản phẩm: **Basonat® LR 9056**

Phiên bản: 2.0

(30591253/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 21.10.2025

- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/nđ-cp ngày 31/03/2024 quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa tải
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.